

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:44/2021/HNGĐ-ST
Ngày 02 tháng 8 năm 2021
V/v “Ly hôn, Tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Giang;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Tàn;

2. Ông Nguyễn Bá Điền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Thu Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Tôn Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 22/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2021; Về việc “Ly hôn, Tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị P - sinh năm 1993;

ĐKHKT: xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

Nơi ở hiện nay: xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Đỗ Hồng P - sinh năm 1989;

ĐKHKT: xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

Hiện đang làm việc tại Đài Loan.

Người làm chứng: Ông Đỗ Huy C – sinh năm 1955;

Địa chỉ: xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

(Chị P có đơn xin xét xử vắng mặt, anh P và ông C vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/3/2021 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn chị Dương Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Hồng P kết hôn ngày 30/3/2012 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng về chung sống cùng bố, mẹ chồng tại xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn do anh P chơi bời, nợ nần chồng chất. Đến năm 2019, do nợ quá nhiều nên anh P đi Đài Loan lao động để kiếm tiền trả nợ. Thời gian đầu sau khi sang Đài Loan, anh P vẫn thỉnh thoảng liên lạc với chị qua điện thoại nhưng sau đó thì không còn liên lạc về nữa và không gửi tiền về cho chị nuôi con. Chị cũng đã về nhà mẹ đẻ sống tại xã P. Nay mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã trầm trọng, không còn tình cảm nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Đỗ Hoài N, sinh ngày 14/11/2012 và cháu Đỗ Ngọc Thảo V, sinh ngày 25/7/2015. Hai cháu hiện nay đang sống với chị. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng cháu V và giao cho anh P nuôi dưỡng cháu N. Chị sẽ nuôi cháu N cho đến khi anh P về nước. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng ai.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung, công sức đóng góp: Chị xác định vợ, chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đỗ Hồng P hiện đang ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ cụ thể. Anh P vẫn liên lạc qua điện thoại với bố, mẹ đẻ nên Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Đỗ Huy C là bố đẻ của anh P nhận thay và thông báo nội dung các văn bản cho anh P. Đồng thời, tiến hành lấy lời khai của ông C về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, công nợ chung và công sức đóng góp giữa chị P và anh P.

Tại các biên bản lấy lời khai ngày 22/6/2021 và ngày 01/7/2021, ông Đỗ Huy C trình bày:

Ông là bố đẻ của anh Đỗ Hồng P. Về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn và con chung của chị P, anh P đúng như chị P đã trình bày. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp của hai anh, chị là việc riêng của hai người, ông không rõ. Trong quá trình chung sống, ông không thấy anh P và chị P có mâu thuẫn gì.

Chị P đã đưa hai con về sống tại nhà bố, mẹ để chị được gần hai năm nay, sau khi anh P đi nước ngoài được 01 tháng. Anh P vẫn liên lạc về với gia đình qua điện thoại nhưng ông chỉ biết anh P đang ở Đài Loan mà không rõ địa chỉ cụ thể nên không thể cung cấp cho Tòa án được. Ông đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo nội dung cho anh P biết. Anh P không gửi quan điểm về bằng văn bản mà chỉ nói với ông qua điện thoại là không đồng ý ly hôn với chị P. Đây là việc riêng giữa hai anh, chị nên ông không can thiệp, nhưng ông vẫn mong anh, chị có thể quay về đoàn tụ với nhau. Những gì ông biết ông đã trình bày hết với Tòa án, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông.

Tại Bản tự khai ngày 07/6/2021, cháu Đỗ Hoài N trình bày:

Cháu là con chung của bố Đỗ Hồng P và mẹ Dương Thị P. Khi bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được sống cùng mẹ.

Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã tiến hành xác minh về quan hệ hôn nhân, tình trạng hôn nhân của chị P và anh P tại UBND xã P, huyện P. UBND xã P xác nhận chị P và anh P có đăng ký kết hôn ngày 30/3/2012 và chính quyền địa phương chưa ghi nhận việc giải quyết mâu thuẫn giữa hai vợ chồng. Nay chị P có đơn xin ly hôn anh P, chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ của Tòa án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 123 Luật HNGĐ năm 2014; ; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; Điều 37; khoản 4 Điều 147, Điều 479 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: cho chị Dương Thị P và anh Đỗ Hồng P được ly hôn.

- Về con chung: giao hai cháu Đỗ Hoài N, sinh ngày 14/11/2012 và cháu Đỗ Ngọc Thảo V, sinh ngày 25/7/2015, cho chị Dương Thị P nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành, lao động tự túc được, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị P không yêu cầu.

Người không nuôi dưỡng, chăm sóc con chung có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ, công sức không có nên không yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí: chị P chịu toàn bộ án phí ly hôn và chi phí tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Dương Thị P nộp đơn xin ly hôn anh Đỗ Hồng P tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Trong đó, chị P cung cấp thông tin anh P có hộ khẩu thường trú tại xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ, hiện đang làm việc tại Đài Loan. Theo Công văn số 7915/QLXNC-P5 ngày 05/4/2021 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh: Đỗ Hồng P, sinh ngày 06/10/1989, địa chỉ ở huyện P, tỉnh Phú Thọ, đã xuất cảnh ngày 07/4/2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do vậy, căn cứ vào khoản 3 điều 35, điểm a khoản 1 điều 37; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Chị Dương Thị P có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và anh Đỗ Hồng P hiện đang ở nước ngoài nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2, 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của pháp luật.

Anh Đỗ Hồng P hiện đang làm việc và sinh sống tại Đài Loan nhưng chị P không cung cấp được địa chỉ cụ thể. Tòa án đã tiến hành xác minh qua bố đẻ của anh P là ông Đỗ Huy C. Ông C xác nhận anh P đang ở Đài Loan, vẫn liên lạc với ông qua điện thoại nhưng ông không biết địa chỉ cụ thể của anh P nên không thể cung cấp cho Tòa án được. Ông C cũng đã thông báo cho anh P biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đang tiến hành giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị P theo đơn khởi kiện của chị P nhưng anh P không gửi văn bản thể hiện quan điểm về cho Tòa án. Căn cứ Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn nên cần xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung; chị P có đơn xin xét xử vắng mặt. Do

vậy, Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh P và chị P.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Dương Thị P và anh Đỗ Hồng P đăng ký kết hôn ngày 30/3/2012 tại UBND xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ là hôn nhân hợp pháp. Theo lời khai của chị P thì thời gian đầu sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó, mâu thuẫn bắt đầu nảy sinh do anh P chơi bời, nợ nần chồng chất. Đến năm 2019, do nợ quá nhiều nên anh P đi lao động ở Đài Loan để kiếm tiền trả nợ. Thời gian đầu anh P vẫn gọi điện thoại liên lạc với chị nhưng sau đó một thời gian thì không còn liên lạc cũng không gửi tiền về cho chị nuôi con. Ông C là bố đẻ anh P cho rằng hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì trong quá trình chung sống và qua xác minh tại địa phương được biết quá trình chung sống địa phương chưa phải giải quyết mâu thuẫn giữa hai anh chị. Nhưng xét thấy mục đích của hôn nhân là hai bên phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Anh P đi Đài Loan từ năm 2019 đến nay chưa về Việt N lần nào, theo lời khai của chị P thì anh P cũng không liên lạc về với chị, giữa hai người thiếu đi sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau khiến cho mâu thuẫn tồn tại từ khi anh P ở nhà càng thêm trầm trọng. Về phía anh P, qua ông C trình bày anh không muốn ly hôn, nhưng anh không cho chị P biết địa chỉ của mình ở đâu, do đó xác định việc anh không muốn ly hôn không phải thực tâm. Do đó, nhận thấy anh chị không còn tình cảm với nhau nữa, khoảng cách sẽ không hàn gắn được mà chỉ tăng thêm sự xa cách và mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần xử cho chị P được ly hôn với anh P là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xác nhận chị Dương Thị P và anh Đỗ Hồng P có 02 con chung là cháu Đỗ Hoài N, sinh ngày 14/11/2012 và cháu Đỗ Ngọc Thảo V, sinh ngày 25/7/2015. Hai cháu hiện nay đang sống với chị P. Khi ly hôn, chị Phương đề nghị được nuôi cháu Đỗ Ngọc Thảo V, còn giao cho anh P nuôi cháu Đỗ Hoài N. Nhưng hiện tại chị P sẽ nuôi cả hai cháu, đến khi anh P về nước thì giao cháu N cho anh P nuôi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. (cháu N có nguyện vọng được sống cùng với mẹ). Xét thấy: hiện nay anh P

không có mặt tại Việt N và cũng không có quan điểm gì nên cần giao hai cháu N và V cho chị P nuôi dưỡng, chăm sóc, khi nào anh P về nước có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hiện nay chị P chưa có yêu cầu nên khi nào anh P về Việt N mà chị P có yêu cầu thì được giải quyết bằng một vụ án khác là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung: Chị P không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về công nợ chung, công sức đóng góp: Chị P xác định vợ, chồng không có. Anh P không có mặt và chưa có quan điểm nên Hội đồng xét xử chưa xem xét giải quyết. Nếu sau này anh P có yêu cầu thì giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] Về án phí: Chị Dương Thị P phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 56, điều 81, 82, 83, 123 của luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 điều 35, điểm a khoản 1 điều 37; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2, 4 điều 207; điểm b khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228; khoản 1, 2 điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị P được ly hôn với anh Đỗ Hồng P.

2. Về con chung: Giao cho chị Dương Thị P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai cháu Đỗ Hoài N, sinh ngày 14/11/2012 và cháu Đỗ Ngọc Thảo V, sinh ngày 25/7/2015, đến khi từng cháu trưởng thành, lao động tự túc được, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị P chưa yêu cầu.

Anh Đỗ Hồng P không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Dương Thị P phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị P đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại Biên

lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0004408 ngày 18/3/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Dương Thị P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, anh Đỗ Hồng P có quyền kháng cáo trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã P;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hà Giang